

Bản án số: 158/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 7 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Ánh Hoa.

- Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Nh; sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc V; sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 26/02/2024 và bản tự khai, chị Trương Thị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Quốc V chung sống vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên anh chị đã ly thân từ năm 2015. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Quốc K, sinh ngày 02/12/2011 và Phạm Thị Nhã T, sinh ngày 17/6/2015. Khi ly hôn, chị Nh đồng ý giao cháu K cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Đối với anh Phạm Quốc V, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh V vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Quốc V đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Quốc V và chị Trương Thị Nh chung sống vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có xác nhận của địa phương do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nh xác định có 02 con chung tên Phạm Quốc K, sinh ngày 02/12/2011 và Phạm Thị Nhã T, sinh ngày 17/6/2015. Khi ly hôn, chị Nh đồng ý giao cháu K cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh V không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, hiện cháu K đang sống với anh V, cháu T đang sống với chị Nh, nguyện vọng cháu K muốn sống với cha, nguyện vọng cháu T muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn và tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu K cho anh V, giao cháu T cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nh, anh V không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị Nh khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Nh và anh Phạm Quốc V là vợ chồng.

- Về con chung:
+ Giao cháu Phạm Quốc K, sinh ngày 02/12/2011 cho anh Phạm Quốc V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Giao cháu Phạm Thị Nhã T, sinh ngày 17/6/2015 cho chị Trương Thị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Các đương sự không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Nh, anh Phạm Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Trương Thị Nh phải chịu 300.000đ. Ngày 01 tháng 3 năm 2024, chị Nh đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0008171 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.